

**LĐLĐ TỈNH HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC**

Số: 118 /CĐGD

V/v thông báo cấp 0,9% kinh phí
Công đoàn 6 tháng đầu năm 2015

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Hòa Bình, ngày 28 tháng 7 năm 2015

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học.

Căn cứ nguồn kinh phí Công đoàn các đơn vị, trường học nộp vào tài khoản chuyên thu của Công đoàn Giáo dục Hoà Bình, Thường trực Công đoàn Giáo dục thông báo đến công đoàn các đơn vị, trường học nội dung sau:

1/ Công đoàn Giáo dục Hòa Bình đã cấp 0,9% kinh phí hoạt động Công đoàn tính theo số thu đến hết tháng 6 năm 2015, đề nghị công đoàn các đơn vị, trường học giao dịch tại Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố để rút kinh phí chi cho hoạt động công đoàn của đơn vị mình (*có danh sách thông báo và số liệu đính kèm*).

2/ Công đoàn Giáo dục Hòa Bình cấp kinh phí hoạt động công đoàn bằng tiền mặt cho những đơn vị chưa có số tài khoản Công đoàn (*có danh sách kèm theo*). Những đơn vị nhận kinh phí bằng tiền mặt về nhận kinh phí tại Thường trực Công đoàn ngành từ ngày **03/8/2015** (trước khi đi nhận tiền các đơn vị liên hệ trước với thường trực Công đoàn ngành theo số điện thoại: 0218.3854502)

Công đoàn Giáo dục Hòa Bình yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT CĐGDHB;
- Website ngành;
- Lưu VP, LTTH (08).

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Hà Đức Hạnh

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO
CẤP 0,9% KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

STT	Tên đơn vị	Đã cấp lần 1/2015	Cấp lần 2/2015	Tổng
1	THPT Lạc Thủy	6,500,000	6,700,000	13,200,000
2	THPT Tân Lạc	6,500,000	250,000	6,750,000
3	THPT Nguyễn Trãi - Lương Sơn	4,600,000	4,680,000	9,280,000
4	THPT Nam Lương Sơn	5,000,000	5,280,000	10,280,000
5	THPT Lạc Thủy B	24,000,000	730,000	24,730,000
6	THPT Mường Chiềng - Đà Bắc	2,700,000	3,000,000	5,700,000
7	THPT Thạch Yên - Cao Phong	2,600,000	2,620,000	5,220,000
8	THPT Kỳ Sơn	4,500,000	4,680,000	9,180,000
9	THPT Sào Báy - Kim Bôi	4,600,000	4,800,000	9,400,000
10	THPT 19-5 - Kim Bôi	6,600,000	6,730,000	13,330,000
11	THPT Yên Hoà - Đà Bắc	2,100,000	2,140,000	4,240,000
12	THPT Phú Cường - Kỳ Sơn	3,200,000	3,390,000	6,590,000
13	THPT Bắc Sơn - Kim Bôi	3,400,000	3,460,000	6,860,000
14	THPT Yên Thủy B	5,500,000	5,540,000	11,040,000
15	THPT Đà Bắc	4,800,000	4,780,000	9,580,000
16	THPT Cù Chính Lan - Lương Sơn	13,500,000	0,000	13,500,000
17	THPT Yên Thủy C	4,100,000	4,180,000	8,280,000
18	THPT Kim Bôi	7,900,000	7,930,000	15,830,000
19	THPT Yên Thủy A	6,800,000	6,880,000	13,680,000
20	THPT Lương Sơn	6,700,000	6,220,000	12,920,000
21	THPT Đoàn Kết - Tân Lạc	4,200,000	4,600,000	8,800,000
22	THPT Lạc Long Quân	4,900,000	10,020,000	14,920,000
23	THPT Mường Bi - Tân Lạc	4,900,000	4,940,000	9,840,000
24	THPT Lạc Sơn	6,400,000	6,460,000	12,860,000
25	THPT Cộng Hòa - Lạc Sơn	4,900,000	5,100,000	10,000,000
26	THPT Quyết Thắng - Lạc Sơn	3,800,000	4,020,000	7,820,000
27	THPT Thanh Hà - Lạc Thủy	4,500,000	4,500,000	9,000,000
28	THPT Hoàng Văn Thụ	15,500,000	15,200,000	30,700,000
29	THPT Mai Châu A	6,300,000	6,400,000	12,700,000
30	THPT Mai Châu B	1,900,000	4,580,000	6,480,000
31	THPT Công Nghiệp	8,500,000	8,900,000	17,400,000
32	THPT Cao Phong	6,500,000	6,380,000	12,880,000
33	PT DTNT THPT tỉnh	10,500,000	10,350,000	20,850,000
34	THPT Lạc Thủy C	4,400,000	4,290,000	8,690,000
35	THPT Ngô Quyền	4,500,000	1,550,000	6,050,000
36	THPT Đại Đồng - Lạc Sơn	4,700,000	20,000	4,720,000
37	THPT Lũng Ván - Tân Lạc		4,070,000	4,070,000
38	PT DTNT THCS Cao Phong	3,800,000	4,040,000	7,840,000
39	PT DTNT THCS Lạc Thủy	2,800,000	3,180,000	5,980,000
40	PT DTNT THCS A Mai Châu	8,000,000	480,000	8,480,000
41	PT DTNT THCS Lạc Sơn	5,000,000	2,555,000	7,555,000
42	PT DTNT THCS Kim Bôi	6,500,000	4,190,000	10,690,000
43	PT DTNT THCS Tân Lạc	4,300,000	1,415,000	5,715,000

44	PT DTNT THCS A Đà Bắc	3,800,000	1,250,000	5,050,000
45	PT DTNT THCS B Mai Châu	7,000,000	60,000	7,060,000
46	PT DTNT THCS Yên Thủy	2,900,000	3,080,000	5,980,000
47	PT DTNT THCS B Đà Bắc	2,500,000	2,540,000	5,040,000
48	TT GDTX Tĩnh		2,020,000	2,020,000
49	TTGDTX Yên Thủy	2,400,000	46,000	2,446,000
50	TTGDTX Kim Bôi	1,800,000	1,970,000	3,770,000
51	TTGDTX Đà Bắc	2,300,000	2,560,000	4,860,000
52	TTGDTX Lạc Thủy	3,400,000	3,420,000	6,820,000
53	TTGDTX Cao phong	2,000,000	2,040,000	4,040,000
54	TTGDTX Lương Sơn		4,220,000	4,220,000
55	TTGDTX Thành Phố	3,500,000	2,470,000	5,970,000
56	TT Ngoại ngữ - Tin học	2,200,000	2,350,000	4,550,000
57	TTGDTX Mai Châu	2,400,000	2,600,000	5,000,000
58	Trường CDSP		37,750,000	37,750,000
59	TT Kỹ thuật tổng hợp HN tỉnh	6,500,000	50,000	6,550,000
60	TH Kinh tế - Kỹ thuật	8,100,000	8,600,000	16,700,000
61	Công đoàn cơ quan Sở GD&ĐT	6,800,000	7,240,000	14,040,000
62	CĐ trg THCS và THPT Ngọc Sơn	3,000,000	1,850,000	4,850,000
63	Công ty sách và thiết bị trường học			
	Cộng	313,000,000	287,346,000	600,346,000

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thúy Hằng

CHỦ TỊCH



Hà Đức Hạnh

**LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC**

DANH SÁCH

ỦY NHIỆM CHI 0,9% KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

STT	Tên đơn vị	Đã cấp lần 1/2015	Cấp lần 2/2015	Tổng
1	THPT Lạc Thủy	6,500,000	6,700,000	13,200,000
2	THPT Nguyễn Trãi - Lương Sơn	4,600,000	4,680,000	9,280,000
3	THPT Thạch Yên - Cao Phong	2,600,000	2,620,000	5,220,000
4	THPT Kỳ Sơn	4,500,000	4,680,000	9,180,000
5	THPT 19-5 - Kim Bôi	6,600,000	6,730,000	13,330,000
6	THPT Bắc Sơn - Kim Bôi	3,400,000	3,460,000	6,860,000
7	THPT Yên Thủy B	5,500,000	5,540,000	11,040,000
8	THPT Cù Chính Lan - Lương Sơn	13,500,000	0,000	13,500,000
9	THPT Kim Bôi	7,900,000	7,930,000	15,830,000
10	THPT Yên Thủy A	6,800,000	6,880,000	13,680,000
11	THPT Lương Sơn	6,700,000	6,220,000	12,920,000
12	THPT Lạc Long Quân	4,900,000	10,020,000	14,920,000
13	THPT Mường Bi - Tân Lạc	4,900,000	4,940,000	9,840,000
14	THPT Lạc Sơn	6,400,000	6,460,000	12,860,000
15	THPT Cộng Hòa - Lạc Sơn	4,900,000	5,100,000	10,000,000
16	THPT Quyết Thắng - Lạc Sơn	3,800,000	4,020,000	7,820,000
17	THPT Thanh Hà - Lạc Thủy	4,500,000	4,500,000	9,000,000
18	THPT Hoàng Văn Thụ	15,500,000	15,200,000	30,700,000
19	THPT Mai Châu A	6,300,000	6,400,000	12,700,000
20	THPT Mai Châu B	1,900,000	4,580,000	6,480,000
21	THPT Công Nghiệp	8,500,000	8,900,000	17,400,000
22	THPT Cao Phong	6,500,000	6,380,000	12,880,000
23	PT DTNT THPT tỉnh	10,500,000	10,350,000	20,850,000
24	THPT Lạc Thủy C	4,400,000	4,290,000	8,690,000
25	THPT Ngô Quyền	4,500,000	1,550,000	6,050,000
26	PT DTNT THCS Cao Phong	3,800,000	4,040,000	7,840,000
27	PT DTNT THCS Lạc Thủy	2,800,000	3,180,000	5,980,000
28	PT DTNT THCS Lạc Sơn	5,000,000	2,555,000	7,555,000
29	PT DTNT THCS Kim Bôi	6,500,000	4,190,000	10,690,000
30	TT GDTX Tỉnh		2,020,000	2,020,000
31	TTGDTX Đà Bắc	2,300,000	2,560,000	4,860,000
32	TTGDTX Lạc Thủy	3,400,000	3,420,000	6,820,000
33	TTGDTX Cao phong	2,000,000	2,040,000	4,040,000
34	TTGDTX Lương Sơn		4,220,000	4,220,000
35	TT Ngoại ngữ - Tin học	2,200,000	2,350,000	4,550,000

36	TTGDTX Mai Châu	2,400,000	2,600,000	5,000,000
37	Trường CDSP		37,750,000	37,750,000
38	TH Kinh tế - Kỹ thuật	8,100,000	8,600,000	16,700,000
39	Công đoàn cơ quan Sở GD&ĐT	6,800,000	7,240,000	14,040,000
	Cộng	201,400,000	234,895,000	436,295,000

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thúy Hương

CHỦ TỊCH



Hà Đức Hạnh

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

THÔNG BÁO
CÁP TIỀN MẶT KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

STT	Tên đơn vị	Đã cấp lần 1 /2015	Cấp lần 2/2015	Tổng
1	THPT Tân Lạc	6,500,000	250,000	6,750,000
2	THPT Nam Lương Sơn	5,000,000	5,280,000	10,280,000
3	THPT Lạc Thủy B	24,000,000	730,000	24,730,000
4	THPT Sào Báy - Kim Bôi	4,600,000	4,800,000	9,400,000
5	THPT Yên Hoà - Đà Bắc	2,100,000	2,140,000	4,240,000
6	THPT Phú Cường - Kỳ Sơn	3,200,000	3,390,000	6,590,000
7	THPT Đà Bắc	4,800,000	4,780,000	9,580,000
8	THPT Đoàn Kết - Tân Lạc	4,200,000	4,600,000	8,800,000
9	THPT Đại Đồng - Lạc Sơn	4,700,000	20,000	4,720,000
10	PT DTNT THCS Yên Thủy	2,900,000	3,080,000	5,980,000
11	PT DTNT THCS B Đà Bắc	2,500,000	2,540,000	5,040,000
12	TTGDTX Yên Thủy	2,400,000	46,000	2,446,000
13	TTGDTX Kim Bôi	1,800,000	1,970,000	3,770,000
14	TT Kỹ thuật tổng hợp HN tỉnh	6,500,000	50,000	6,550,000
15	CĐ trg THCS và THPT Ngọc Sơn	3,000,000	1,850,000	4,850,000
16	THPT Mường Chiềng - Đà Bắc	2,700,000	3,000,000	5,700,000
17	THPT Yên Thủy C	4,100,000	4,180,000	8,280,000
18	THPT Lũng Vân - Tân Lạc		4,070,000	4,070,000
19	PT DTNT THCS A Mai Châu	8,000,000	480,000	8,480,000
20	PT DTNT THCS Tân Lạc	4,300,000	1,415,000	5,715,000
21	PT DTNT THCS A Đà Bắc	3,800,000	1,250,000	5,050,000
22	PT DTNT THCS B Mai Châu	7,000,000	60,000	7,060,000
23	TTGDTX Thành Phố	3,500,000	2,470,000	5,970,000
	Cộng	111,600,000	52,451,000	164,051,000

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Thúy Hường

CHỦ TỊCH



Hà Đức Hạnh